

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HS-PT

Ngày: 12-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Phúc

Ông Hoàng Rung K' Nhon

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy; Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Du; Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2018/TLPT-HS ngày 05/3/2018 đối với bị cáo Lê Hải N và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 11/1/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Lê Hải N**, sinh năm 1965; tại tỉnh Ninh Bình; nơi ĐKKHKT và cư trú: tổ dân phố 13, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: nguyên cán bộ công chức; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam giới; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Xuân T (đã chết) và bà: Hoàng Thị Đ; vợ là Võ Thị Ngọc L, sinh năm 1967 và có 02 người con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2013 đến ngày 04/6/2015, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

2. Họ và tên: **Đinh Thị Quỳnh G**, sinh năm 1975; tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi ĐKKHKT và cư trú: tổ dân phố 14, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: nguyên cán bộ công chức; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ giới; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đinh T và bà Đoàn Thị T; Có chồng là Lưu Văn L và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Quyết Th**, sinh năm 1984; tại tỉnh Ninh Bình; nơi ĐKKTT và cư trú: thôn NT, xã TN, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: nguyên công nhân viên chức; Trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam giới; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt nam; Con ông: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1959 và bà Trịnh Thị V, sinh năm 1961; Có vợ là Vũ Thị Thúy V, sinh năm 1984 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2013 đến ngày 04/6/2015, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

** Người bào chữa cho các bị cáo:*

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Hải N:* Luật sư Đỗ Văn B - Văn phòng Luật sư ĐB thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đinh Thị Quỳnh G:*

1. Luật sư Huỳnh T - Văn phòng Luật sư NT thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Luật sư Nguyễn Văn H – Văn phòng Luật sư ĐL thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quyết Th:* Luật sư Vũ Văn B - Văn phòng Luật sư Vũ Văn B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

** Nguyên đơn dân sự:*

- Trung tâm quản lý và khai thác công trình công cộng huyện CT, tỉnh Lâm Đồng; Trụ sở: tổ dân phố 14 thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Bá H - chức vụ nhân viên (*Theo văn bản ủy quyền số: 02/UQ- TTQL ngày 6/1/2018*). Có mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lê Quang C, sinh năm 1972. Trú tại: tổ dân phố 9, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Ông Phan Tất Đ, sinh năm 1959. Trú tại: tổ dân phố 14, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Ông Phạm S, sinh năm 1957. Trú tại: tổ dân phố 4, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959. Trú tại: thôn NT, xã TN, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Ông Đỗ Đình H, sinh năm 1986; Trú tại: Thôn NT, xã TN, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Võ Thành B, sinh năm 1957. Trú tại: tổ dân phố 13, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện CT, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh T, chức vụ: Trưởng phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm quản lý và khai thác công trình công cộng huyện CT (viết tắt là Trung tâm QL và KTCTCC) được ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lâm Đồng giao cho làm chủ đầu tư xây dựng công trình hồ chứa nước TN (Theo quyết định số 3217/QĐ- UBND ngày 28/11/2008). Ngày 29/8/2011 Trung tâm QL và KTCTCC hợp đồng với Ban bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư huyện CT (viết tắt là Ban BTHT GPMT và TĐC) để giải phóng mặt bằng. Lê Hải N là Giám đốc, Đinh Thị Quỳnh G là Phó giám đốc và Nguyễn Quyết Th là nhân viên của Ban BTHT GPMT và TĐC.

Trong các hộ dân thuộc diện được bồi thường, có hộ ông Lê Quang C có 43.493 m² đất bị thu hồi, với số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 2.701.292.824 đồng, bao gồm đất bị thu hồi, vật, kiến trúc, cây trồng trên đất...v.v.; Ban BTHT GPMB và TĐC xác định diện tích đất liền kề với nhau, trồng cây Dó bầu của hộ ông Cảnh là 21.000m² tính toán bồi thường là 3.770 cây Dó bầu, xác định độ tuổi cây trồng 06 năm, phân loại theo tỷ lệ số cây loại A là 25% = 970 cây, số cây loại B là 45% = 1.717 cây, số cây loại C là 30% = 1.083 cây, thành tiền là 979.737.500 đồng. Trong đó đất thuộc địa bàn huyện Cát Tiên (đợt 1) là 18.000m², đất thuộc địa bàn huyện Đạ Tẻh (đợt 2) là 3.000m².

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thống kê theo lời khai các bị cáo thì sau khi đi khảo sát thực địa về, Ban BTHT GPMB và TĐC đã họp trong Ban và cùng thống nhất cách tính như sau: Đối với khu vực trồng cây với mật độ thưa thì đi đo đếm thực tế từng cây, đối với khu vực trồng cây với mật độ dày, số lượng cây tương đối đồng đều thì tính theo mật độ, xác định ô tiêu chuẩn, đo khoảng cách cây cách cây, hàng cách hàng để tính cho cả diện tích, tuy nhiên việc tính toán này không được lập thành biên bản. Sau đó Đinh Thị Quỳnh G khảo sát trên trang Webside báo nông nghiệp Lâm Đồng có hướng dẫn mật độ trồng cây Dó bầu từ 1600 cây đến 2000 cây/ ha, nên tự áp đặt mật độ cây Dó bầu là 1800 cây/ ha. Sau đó đưa ra họp trong Ban và được Ban thống nhất với cách tính như trên. Về diện tích cây Dó bầu là do Nguyễn Quyết Th thực hiện, qua khảo sát dựa trên các yếu tố địa hình, địa vật, xác định ranh giới trồng cây Dó bầu và căn cứ trên bản đồ địa chính để xác định diện tích trồng cây Dó bầu đợt 1 là 18.000m², đợt 2 là 3.000m², (Tổng 2 đợt có diện tích 21.000 m² có số cây 3770 cây với số tiền 979.737.500 đồng) mà không đi đo đạc thực tế. Ngày 05/9/2011 và ngày 24/11/2011 Ban bồi thường cùng với cùng với ông Đỗ Đình H là cán bộ Trung tâm QL và KTCTCC huyện Cát Tiên, ông Nguyễn Văn T là cán bộ địa chính xã TN đến kiểm tra thống kê hiện trạng tài sản gắn liền với đất đối với hộ ông Lê Quang C. Thắng lập biên bản kiểm tra hiện trạng thống kê tài sản gắn liền với đất, và lập phiếu mô tả tài sản diện tích trồng cây Dó bầu thu hồi đợt 1 là 18.000m², tính toán ra 3.240 cây Dó bầu; diện tích thu hồi đợt 2 là

3.000m², tính ra 530 cây Dó bầu. Ban BTHT GPMB và TĐC hoàn tất hồ sơ chuyển sang Phòng tài nguyên môi trường huyện Cát Tiên để thẩm định. Sau khi thẩm định xong trình Ủy ban nhân dân huyện Cát Tiên phê duyệt (theo quyết định số: 400/QĐ-UB ngày 26/11/2011) và đã chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân. Sau khi ông C nhận khoản tiền trên thì có dư luận cho rằng Ban đền bù làm việc không khách quan nên ông C mới nhận được số tiền nhiều hơn thực tế. Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện Cát Tiên chỉ đạo cho Thanh tra nhà nước huyện Cát Tiên tiến hành thanh tra. Qua thanh tra thấy có dấu hiệu hình sự nên cơ quan Thanh tra chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra.

Khi cơ quan điều tra tiếp nhận hồ sơ thì diện tích đất cây Dó Bầu của hộ ông C không còn nguyên hiện trạng, một số diện tích đã bị chặt hạ, san ủi. Cơ quan điều tra phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm và kiểm tra hiện trường từ ngày 22 đến ngày 24/02/2012 và ngày 06/4/2012. Vì hiện trường vụ án đã bị xáo trộn, san ủi, không còn nguyên hiện trạng nữa, nên đoàn kiểm tra đã phải phân diện tích đất trồng cây Dó bầu của hộ ông C thành từng ô (14 ô) để tiện đo đếm được chính xác, dùng thước dây để đo và kiểm đếm thực tế được 1.164 cây Dó bầu trên diện tích 16.849m². Trong đó đất thuộc địa bàn huyện Cát Tiên là 14.189m² đếm được 854 cây, đất thuộc địa bàn huyện Đạ Tẻh liền kề là 2.660m² đếm được 310 cây. Cụ thể:

Phần diện tích đất của hộ ông Cảnh trồng cây Dó bầu không còn nguyên hiện trạng (có chỗ chưa bị san ủi, có chỗ đã bị chặt đốt san ủi...), nhưng Cơ quan điều tra đã tính cho toàn bộ diện tích trồng cây Dó bầu này là 21.000m² như Ban BTHT GPMB và TĐC đã áp dụng.

Diện tích trồng cây Dó bầu đã bị đốt, chặt hạ chưa bị san ủi còn gốc, đo, đếm được thực tế là 7.312m² (từ lô 1 đến lô 6 và lô 10, 14), có 642 cây Dó bầu; và Diện tích cây Dó bầu còn nguyên hiện trạng đo đếm được từng cây trên diện tích là 2.660m² (gồm các lô 11, 12), có 310 cây Dó bầu. Như vậy Diện tích cây Dó bầu đã bị đốt, chặt hạ chưa bị san ủi còn đếm được cây, gốc và diện tích còn nguyên hiện trạng là: (7.312m² + 2.660m²) = 9.972m², với số cây Dó bầu trên diện tích này là: (642 cây + 310 cây) = 952 cây.

Diện tích trồng cây Dó bầu còn lại trong đó có một phần bị san ủi không còn nguyên trạng được tính là: 21.000m² - 9.972m² = 11.028m². Phần diện tích còn nguyên hiện trạng có bình quân cây Dó bầu trồng dày nhất trong tất cả các khu vực đo, đếm được là 310 cây/ 2.660m² = 8,58 m²/ 1 cây. Do đó! tính trung bình số cây Dó bầu trên phần diện tích này cho diện tích có một phần bị san ủi là: (11.028m² : 8,58m²/ 1 cây) = 1.285 cây. Tổng số cây Dó bầu trên diện tích 21.000m² được tính là 1.285 cây + 952 cây = 2.237 cây.

Như vậy lượng số cây Dó bầu chênh lệch giữa Ban BTHT GPMB và TĐC tính toán và Cơ quan điều tra xác minh tính toán là 3.770 cây - 2.237 cây = 1.533 cây. Qua kiểm tra hiện trường còn cho thấy trong phần diện tích trồng cây Dó bầu của hộ ông C có trồng xen với cây keo, cây điều và tre Mạnh tông chứ không phải là trồng đồng đặc, các cây trồng xen này cũng đã được Ban BTHT GPMB & TĐC tính toán bồi thường riêng cho hộ ông C rồi. Theo lời khai của

gia đình ông Lê Quang C thì việc trồng xen cây Dó bầu không tuân thủ một quy trình nào cả, do có trồng xen với một số cây trồng khác nên thấy chỗ nào đất trống thì trồng vào chỗ đó.

Theo Thông báo số 1018/TB-HĐĐG ngày 14/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Lâm Đồng kết luận tổng giá trị của 1.533 cây Dó bầu 06 năm tuổi là 395.675.000 đồng. Về xác định số lượng cây Dó bầu theo tỷ lệ %, thống nhất theo kết quả kiểm đếm của Ban BTHT GPMB và TĐC huyện Cát Tiên.

Theo quy định tại khoản 6, điều 2, Quyết định số 57/2009/QĐ-UBND ngày 16/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng thì : *“Đối với cây trồng xen phải đo, đếm kiểm tra hiện trạng thực tế từng loại cây trồng”*. Trong khi đó các bị cáo không đếm từng cây Dó bầu theo quy định mà tự áp đặt tính mật độ trung bình là 1.800 cây/ ha (tính trồng đông đặc không phải trồng xen với các cây khác), dẫn đến việc thống kê tài sản đền bù không chính xác, làm thất thoát tài sản Nhà nước. Về phần diện tích thu hồi đợt 2 là 3.000m² phần đất thuộc huyện Đạ Tẻh, các bị cáo khai nhận đi đếm từng cây Dó bầu được 530 cây, nhưng trong quá trình Cơ quan điều tra kiểm tra hiện trường xác định số cây trên diện tích này là 310 cây/2660 m² (BL:69) trong đó chỉ có 4 cây bị chặt còn lại còn nguyên trạng, nên không có cơ sở chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Trung tâm quản lý và khai thác công trình công cộng huyện Cát Tiên được UBND huyện Cát Tiên giao nhiệm vụ tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn dân sự yêu cầu người gây thiệt hại phải bồi thường số tiền thiệt hại để trả lại ngân sách Nhà nước.

Ngoài các bị cáo ở trên ra thì còn một số cá nhân có liên quan đến việc tham gia cùng với Ban BTHT GPMB và TĐC huyện Cát Tiên đi kiểm tra, ký xác nhận vào trong hồ sơ thống kê hiện trạng, tính toán, bồi thường và thẩm định hồ sơ đối với hộ ông Lê Quang C gồm:

- Đối ông Phạm S nguyên là Giám đốc Trung tâm QL và KTCTCC huyện Cát Tiên đã cử ông Đỗ Đình H là nhân viên tham gia cùng với Ban BTHT GPMB và TĐC đến hiện trường với nhiệm vụ là chỉ mốc giới đất bị thu hồi và xem xét có hộ dân nào khiếu nại thì giải thích cho họ hiểu và về phản ánh lại lãnh đạo cơ quan. Tuy nhiên ông S ký vào biên bản kiểm tra hiện trạng tài sản gắn liền với đất và phiếu mô tả tài sản, không phát hiện ra sai phạm của Ban BTHT GPMB và TĐC huyện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thống kê tài sản bị thu hồi. Tuy nhiên, đại diện cho chủ đầu tư, ông S đã ký hợp đồng với Ban BTHT GPMB và TĐC để giải phóng mặt bằng, nên trách nhiệm chính trong việc thống kê tài sản đền bù thuộc về Ban BTHT GPMB và TĐC.

- Đối với ông Võ Thành B là Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Cát Tiên có trách nhiệm thẩm định hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 46 Quyết định số 32 ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng, nhưng ông B không phát hiện được sai phạm trong việc thống kê hiện trạng tài sản

gắn liền với đất. Tuy nhiên ông B không có trách nhiệm phải đến hiện trường kiểm tra hiện trạng thực tế mà việc thẩm định chỉ thực hiện trên hồ sơ. Nên không thể phát hiện được sai phạm của Ban BTHT GPMB và TĐC khi hồ sơ được lập đầy đủ.

- Đối với ông Nguyễn Bá Ch Chủ tịch UBND xã Tư Nghĩa; theo quy định của khoản 3 Điều 43 Nghị định số 197 ngày 03/12/2004 của Chính phủ thì UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thực hiện xác nhận diện tích đất đai, tài sản bị thu hồi, ông Ch đã cử cán bộ địa chính tham gia cùng Ban BTHT GPMB và TĐC để xác định đất đai, tài sản bị thu hồi, nhưng do cán bộ địa chính không phát hiện để báo cáo về sai phạm của Ban BTHT GPMB và TĐC nên ông Ch không biết và đã ký xác nhận theo báo cáo của cán bộ địa chính xã và Ban BTHT GPMB và TĐC.

- Đối với ông Phan Tất Đ cán bộ Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Cát Tiên có nhiệm vụ trực tiếp tham mưu và thẩm định hồ sơ bồi thường nhưng đã không phát hiện ra sai phạm trong việc thống kê hiện trạng tài sản gắn liền với đất. Nhưng ông không có trách nhiệm phải đến hiện trường kiểm tra hiện trạng mà chỉ thẩm định trên hồ sơ, theo quy định của điều 46 Quyết định số 32 ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng nên khó có thể phát hiện được sai phạm khi hồ sơ được lập đầy đủ.

- Đối với ông Nguyễn Văn Th cán bộ địa chính xã Tư Nghĩa, được Chủ tịch UBND xã giao trách nhiệm trực tiếp tham mưu xác nhận đất đai, tài sản của người bị thu hồi. Ông Th không phát hiện được sai phạm của Ban BTHT GPMB và TĐC nên đã tham mưu cho Chủ tịch UBND xã ký vào biên bản kiểm tra hiện trạng tài sản gắn liền với đất và phiếu mô tả tài sản. Nhưng UBND cấp xã không có trách nhiệm phải đi kiểm kê tất cả tài sản bị thu hồi, mà trách nhiệm thuộc về Ban BTHT GPMB và TĐC.

- Đối với ông Đỗ Đình H là cán bộ của Trung tâm quản lý khai thác công trình công cộng huyện Cát Tiên được giao nhiệm vụ tham gia với Ban BTHT GPMB và TĐC đến hiện trường chỉ mốc giới đất bị thu hồi và xem xét có hộ dân nào khiếu nại thì giải thích cho họ hiểu và về phản ánh lại lãnh đạo cơ quan. Ông H không được lãnh đạo giao nhiệm vụ đi thống kê tài sản bị thu hồi, nhưng ông H ký vào biên bản kiểm tra hiện trạng tài sản gắn liền với đất và phiếu mô tả tài sản, không phát hiện ra sai phạm của Ban BTHT GPMB và TĐC trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thống kê tài sản bị thu hồi.

Xét thấy hành vi của các ông Phạm S, ông Võ Thành B, ông Nguyễn Bá Ch, ông Phan Tất Đ, ông Nguyễn Văn Th và ông Đỗ Đình H chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, chỉ xem xét xử lý hành chính kỷ luật nghiệp vụ là phù hợp, nên cơ quan điều tra Công an huyện Cát Tiên đã có văn bản kiến nghị Chủ tịch UBND huyện Cát Tiên xử lý kỷ luật theo quy định của Luật Công chức, Viên chức.

Bản án số: 01/2018/HS-ST Ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên tuyên bố các bị cáo Lê Hải N, Đinh Thị Quỳnh G, Nguyễn Quyết Th phạm tội “ *Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng* ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 17; Điều 38; điểm s, v, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Hải N 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giam trước đó từ ngày 31/10/2013 đến ngày 04/6/2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 17; Điều 38; điểm s,x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đinh Thị Quỳnh G 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 17; Điều 38 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quyết Th 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giam trước đó từ ngày 31/10/2013 đến ngày 04/6/2015.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999, cấm các bị cáo Lê Hải N, Đinh Thị Quỳnh G đảm nhiệm chức vụ trong các cơ quan nhà nước với thời hạn 1 (một) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc các bị cáo Lê Hải N và bị cáo Đinh Thị Quỳnh G liên đới bồi thường số tiền thiệt hại do hành vi thiếu trách nhiệm gây ra là 395.675.000 đồng (*ba trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) cho Trung tâm quản lý và khai thác công trình công cộng huyện Cát Tiên để hoàn trả lại cho ngân sách nhà nước. Trong đó phần của bị cáo Lê Hải N và Đinh Thị Quỳnh G mỗi người là 197.837.500 đồng (một trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi bảy ngàn, năm trăm đồng).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Hải N, Đinh Thị Quỳnh G mỗi người phải nộp 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 9.891.875 đồng (*chín triệu, tám trăm chín mươi một ngàn, tám trăm bảy mươi lăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Quyết Th nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 24/01/2018 các bị cáo Lê Hải N, Đinh Thị Quỳnh G và bị cáo Nguyễn Quyết Th kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo Lê Hải N, Nguyễn Quyết Th giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo Đinh Thị Quỳnh G thay đổi nội dung kháng cáo, thừa nhận bản án sơ thẩm xử đúng nhưng vì hoàn cảnh khó khăn, có con nhỏ nên xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và xuất trình chứng từ đã nộp được 100.000.000 đồng vào kho bạc Nhà nước để khắc phục hậu quả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Hải N, Nguyễn Quyết Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đề nghị chấp nhận việc thay đổi nội dung kháng cáo của bị cáo G, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, s khoản Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, giữ nguyên hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Bị cáo N trình bày: các bị cáo tham khảo Website báo nông nghiệp Lâm Đồng để tính toán đền bù thì bị pháp luật xử lý nhưng cơ quan điều tra tính toán khi hiện trường không còn, lấy các ô còn lại nguyên trạng để áp qua diện tích đã bị san ủi để tính thiệt hại làm căn cứ khởi tố là không thuyết phục.

- Luật sư T đề nghị xem xét cho bị cáo G, bị cáo đã nhận thấy hành vi sai trái, xin được xem xét vì hoàn cảnh khó khăn, ở vùng sâu vùng xa, con nhỏ và đã vay mượn tiền để nộp được 100.000.000đ để khắc phục hậu quả.

- Luật sư H bào chữa cho bị cáo G thừa nhận bị cáo có sai phạm nhưng chưa đến mức phải xử lý hình sự mà chỉ cần xử lý hành chính là phù hợp.

- Luật sư Vũ Văn B bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quyết Th cho rằng; bị cáo Thắng chỉ là nhân viên hợp đồng của Ban bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư làm việc theo sự phân công, chỉ đạo của bị cáo N và bị cáo G, phương án mà các bị cáo đưa ra có sự thẩm định của phòng tài nguyên môi trường và được ủy ban nhân dân huyện phê chuẩn nên các bị cáo mới thực hiện, tại phiên tòa bị cáo N cũng trình bày bị cáo Th nếu không thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo thì bị cáo sẽ cho thôi hợp đồng nên buộc bị cáo Th phải chấp hành. Hành vi của các bị cáo sai thì phải thu hồi quyết định đền bù, bị cáo Th không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 28/11/2008 Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng có Quyết định số 3217/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hồ chứa nước TN, huyện Cát Tiên và giao cho chủ đầu tư là Trung tâm quản lý và khai thác công trình công cộng huyện Cát Tiên (Trung tâm QL và KTCTCC).

Ngày 29/8/2011 Trung tâm QL và KTCTCC ký hợp đồng với Ban bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư huyện Cát Tiên (Ban BTHT GPMB và TĐC) về giải phóng mặt bằng thi công xây dựng công trình Hồ chứa nước TN.

Theo Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Hồ chứa nước TN, huyện Cát Tiên (giai đoạn 1) do Ban BTHTGPMB và TĐC huyện Cát Tiên thực hiện. Lê Hải N làm Giám đốc, Đinh Thị Quỳnh G làm Phó Giám đốc và Nguyễn Quyết Th là nhân viên hợp đồng (hợp đồng ngày 21/7/2011).

Theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Quyết định số 57/2009/QĐ-UBND ngày 16/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về ban hành quy định về việc bồi thường thiệt hại đối với cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng thì phải đo, đếm kiểm tra hiện trạng thực tế từng loại cây trồng. Tuy nhiên, sau khi khảo sát thực địa, các bị cáo không tiến hành đo, đếm cụ thể theo quyết định số 57/2009/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lâm Đồng mà Đinh Thị Quỳnh Giao khảo sát trên trang Website báo nông nghiệp Lâm Đồng có hướng dẫn mật độ trồng cây Dó Bầu từ 1.600 cây đến 2.000 cây/ha, nên tự áp đặt mật độ cây Dó Bầu là 1800 cây/ ha, sau đó đưa ra hợp trong Ban và được Ban thống nhất với cách tính như trên.

Trong dự án có 06 hộ dân thuộc diện có đất bị thu hồi trong đó có hộ ông Lê Quang C có 43.493 m² đất bị thu hồi, sau khi khảo sát trên trang Website báo nông nghiệp Lâm Đồng có hướng dẫn mật độ trồng cây Dó Bầu từ 1.600 cây đến 2.000 cây/ha, nên tự áp đặt mật độ cây Dó Bầu là 1800 cây/ ha để tính tiền đền bù cho hộ ông C với diện tích được nhận tiền đền bù là 21.000m², trong đó đất thuộc địa bàn huyện Cát Tiên là 18.000 m², đất thuộc địa bàn huyện Đạ Tẻh là 3.000m². Số cây Dó Bầu được đền bù là 3.770 cây (xác định độ tuổi cây trồng 06 năm, phân loại theo tỷ lệ số cây loại A là 25% = 970 cây, số cây loại B là 45% = 1.717 cây, số cây loại C là 30% = 1.083 cây) số tiền ông C đã được nhận là 979.737.500 đồng. (các cây trồng xen khác trên phần đất trên đã được Ban BTHTGPMB và TĐC tính bồi thường riêng rồi).

Sau khi ông C nhận khoản tiền trên thì có dư luận cho rằng Ban đền bù làm việc không khách quan nên ông C mới nhận được số tiền nhiều hơn thực tế. Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện Cát Tiên chỉ đạo cho Thanh tra nhà nước huyện Cát Tiên tiến hành thanh tra. Qua thanh tra thấy có dấu hiệu hình sự nên cơ quan Thanh tra chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra.

Khi cơ quan điều tra tiếp nhận hồ sơ thì diện tích đất cây Dó Bầu của hộ ông C không còn nguyên hiện trạng, một số diện tích đã bị san ủi, cơ quan điều tra đã phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra hiện trường, căn cứ vào kết quả kiểm tra hiện trường từ ngày 22 đến ngày 24/02/2012 và ngày 06/4/2013. Đoàn kiểm tra đã phân diện tích đất trồng cây Dó Bầu thành 14 lô để đo đếm, dùng thước dây để đo và kiểm đếm thực tế được 1.164 cây Dó Bầu, trên diện tích 16.849 m². Trong đó đất thuộc địa bàn huyện Cát Tiên đo là 14.189m² đếm được 854 cây, đất thuộc địa bàn huyện Đạ Tẻh là 2.660 m² đếm được 310 cây. Tuy nhiên, do một phần diện tích đất đã bị san ủi không còn nguyên hiện trạng, nên Cơ quan điều tra đã chấp nhận diện tích 21.000m² mà Ban đền bù đã áp dụng để bồi thường cho hộ ông C, cụ thể như sau:

Diện tích cây Dó Bầu còn nguyên hiện trạng là 2.660 m^2 (gồm các lô 11, 12), đếm được 310 cây Dó Bầu. Như vậy tính trung bình cây Dó Bầu trên diện tích này là $310 \text{ cây} / 2.660 \text{ m}^2 = 8,58 \text{ m}^2 / 1 \text{ cây}$.

Diện tích trồng cây Dó Bầu đã bị đốt, chặt hạ chưa bị san ủi nhưng còn gốc đo được là 7.312 m^2 (từ lô 1 đến lô 6 và lô 10, 14), đếm được 642 cây Dó Bầu.

Như vậy, diện tích cây Dó Bầu đã bị đốt, chặt hạ chưa bị san ủi còn gốc và diện tích còn nguyên hiện trạng là $7.312 \text{ m}^2 + 2.660 \text{ m}^2 = 9.972 \text{ m}^2$; số cây Dó Bầu trên diện tích này là $642 \text{ cây} + 310 \text{ cây} = 952 \text{ cây}$.

Diện tích trồng cây Dó Bầu còn lại trong đó có một phần bị san ủi là $21.000 \text{ m}^2 - 9.972 \text{ m}^2 = 11.028 \text{ m}^2$.

Lấy số cây Dó Bầu trung bình trên diện tích còn nguyên hiện trạng để tính cho diện tích còn lại trong đó có một phần bị san ủi là $11.028 \text{ m}^2 : 8,58 \text{ m}^2 / 1 \text{ cây} = 1.285 \text{ cây}$.

Như vậy tổng số cây Dó Bầu trên diện tích 21.000 m^2 được tính là $1.285 \text{ cây} + 952 \text{ cây} = 2.237 \text{ cây}$ nhưng Ban bồi thường tái định cư bồi thường cho ông Cảnh là 3.770 cây, chênh lệch 1.533 cây.

Theo Thông báo số 853/TB-HĐĐG ngày 30/6/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Lâm Đồng kết luận tổng giá trị của 1.533 cây Dó Bầu 06 năm tuổi là 395.675.000 đồng.

[2] Bị cáo N cho rằng: khi tiến hành khám nghiệm và kiểm tra hiện trường không có kiểm sát viên tham gia mà chỉ có cán bộ Viện kiểm sát tham gia là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Với nội dung này thấy rằng: khi tiến hành kiểm tra hiện trường vụ án từ ngày 22 đến ngày 24 tháng 02 năm 2012 ngày 06/4/2012 có đầy đủ các thành phần tham gia gồm: Điều tra viên, đại diện viện kiểm sát, Công an xã, Cán bộ địa chính xã, bị cáo Nguyễn Quyết Th, bị cáo Đinh Thị Quỳnh G. Với phương pháp dùng thước đo trực tiếp diện tích và đếm trực tiếp từng gốc, từng cây Dó bầu, có chụp ảnh, vẽ sơ đồ hiện trường đã cho ra kết quả diện tích đất trồng cây Dó bầu và số lượng cây Dó bầu thực tế chênh lệch so với Ban bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng và Tái định cư tính là 1.533 cây, các bị cáo G và Th có mặt và đồng tình với cách tính của cơ quan điều tra và đã ký vào biên bản. Việc không có kiểm sát viên tuy có vi phạm nhưng không làm thay đổi bản chất vụ án, không làm thay đổi hành vi sai phạm của các bị cáo. Đồng thời bị cáo Lê Hải N so sánh và cho rằng các bị cáo tham khảo trên Webside báo nông nghiệp Lâm Đồng để áp vào diện tích đất của ông Cảnh để bồi thường thì bị xử lý, còn cơ quan điều tra lại áp dụng lấy mật độ bình quân chung của lô 11 và lô 12 ở khu vực Đa Tẻ để áp vào diện tích bị san ủi khi hiện trường đã bị san ủi, tài sản không còn để làm căn cứ xử lý các bị cáo. Xét cách tính toán, áp dụng cơ quan điều tra được quy định tại Điều 20 của Nghị định số 26/NĐ ngày 02/3/2005 của Chính phủ về định giá tài sản trong tố tụng hình sự đối với tài sản không còn nên cơ quan điều tra phải phân thành 14 lô để đo trực tiếp diện tích, đếm trực tiếp từng gốc, từng cây đối với diện tích

còn nguyên vẹn là thực hiện đúng theo quy định số 57/2009/QĐ-UBND ngày 16/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng; đối với diện tích đã bị san ủi thì cơ quan điều tra lấy diện tích của những lô còn nguyên trạng, có mật độ dày để tính (lô 11 và lô 12), việc tính này cơ quan điều tra cũng tính theo nguyên tắc có lợi cả về diện tích cũng như độ tuổi của cây Dó bầu (diện tích thực tế là 18.000.000m² nhưng cơ quan điều tra vẫn chấp nhận lấy diện tích của Ban là 21.000.000m² và trung cầu định giá cây Dó bầu đều 06 năm tuổi trong khi đó kiểm tra hiện trường còn cho thấy trong phần diện tích trồng cây Dó bầu của hộ ông C có trồng xen với cây keo, cây điều và tre Mạnh tông chứ không phải là trồng dày đặc, các cây trồng xen này cũng đã được Ban BTHT GPMB & TĐC tính toán bồi thường riêng cho hộ ông C. Như vậy, cách tính của cơ quan điều tra là có căn cứ, đúng pháp luật và có lợi cho các bị cáo. Tại hồ sơ tuy có nhiều kết quả định giá tài sản, tuy nhiên kết quả định giá tài của cơ quan điều tra trung cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự mới là kết quả để làm căn cứ xử lý hình sự. Do vậy, việc so sánh của bị cáo N không phù hợp.

Như vậy Theo quy định tại khoản 6 điều 2 Quyết định số 57/2009/QĐ-UBND ngày 16/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng thì phải đo, đếm kiểm tra hiện trạng thực tế từng loại cây trồng nhưng các bị cáo đã không thực hiện đo, đếm tại hiện trường mà tham khảo trên Webside báo nông nghiệp Lâm Đồng để áp vào diện tích đất của ông C để bồi thường, hành vi của các bị cáo thể hiện thiếu trách nhiệm, tùy tiện dẫn đến làm thất thoát của Nhà Nước số tiền 395.675.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã bị cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật không oan.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Đối với Lê Hải N là trưởng ban, Đinh Thị Quỳnh G là phó ban, là những người có chức vụ, quyền hạn cao nhất trong ban nhưng khi thực hiện nhiệm vụ đã không làm hết trách nhiệm, không tuân thủ theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, trong đó bị cáo Đinh Thị Quỳnh G là người trực tiếp được bị cáo Lê Hải N phân công thực hiện việc tính toán để đền bù cho dân nhưng bị cáo đã không làm hết chức năng nhiệm vụ của mình, không tuân thủ theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng mà tùy tiện tham khảo trên Webste của Báo nông nghiệp để thực tính toán rồi tham mưu cho Trưởng ban và được Lê Hải N đồng tình dẫn đến việc bồi thường cho hộ ông C không chính xác làm thất thoát của Nhà nước số tiền là 395.675.000 đồng, đây là hậu quả nghiêm trọng nên các bị cáo phải chịu hình phạt do hành vi và hậu quả đã gây ra.

Tuy nhiên, các bị cáo thực hiện không có vụ lợi; bị cáo Lê Hải N có quá trình tham gia phục vụ trong quân đội; gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo tuy kêu oan nhưng đều thừa nhận các hành vi đã thực hiện là do nhận thức, bản thân bị cáo N có thời gian phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v,

x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi năm 2017; bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 31/10/2013 đến ngày 04/6/2015, với thời gian tạm giam cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục nên xử phạt bị cáo bằng thời gian đã tạm giam là phù hợp.

Đối với bị cáo Đinh Thị Quỳnh G là Phó trưởng ban là người có chức vụ và quyền hạn sau bị cáo N, là người trực tiếp được bị cáo N phân công thực hiện kiểm tra, tính toán, bị cáo đã không làm hết chức năng nhiệm vụ của mình, bị cáo là người đề xuất tham mưu cho Trưởng ban áp dụng phương án dùng ô tiêu chuẩn để tính mật độ cây Dó bầu trên Website của Báo nông nghiệp đã dẫn đến gây hậu quả nghiêm trọng làm thất thoát tài sản Nhà nước số tiền là 395.675.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận hành vi sai trái xin được khoan hồng vì hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi con nhỏ, bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả với số tiền 100.000.000đ, bố bị cáo là người có công cách mạng nên bị cáo được áp dụng thêm hai tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có địa chỉ rõ ràng, vụ án xảy ra đã lâu tính nguy hiểm cho xã hội không còn nên bị cáo đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, việc cho bị cáo được hưởng án treo không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

Đối với Nguyễn Quyết Th là cán bộ hợp đồng, mới vào làm hợp đồng từ ngày 21/7/2011 đến ngày 05/9/2011, bị cáo thực hiện các nhiệm vụ theo sự chỉ đạo, phân công của bị cáo Lê Hải N và bị cáo Đinh Thị Quỳnh G nhưng sự chỉ đạo này là trái pháp luật nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm nhưng bị cáo có vai trò thứ yếu, mặc dù bị cáo đã bị tạm giam nhưng xét vai trò của bị cáo là thứ yếu làm theo sự chỉ đạo của bị cáo N, bị cáo phạm tội lần đầu nhưng khi xét xử cấp sơ thẩm chưa phân hóa vai trò của đồng phạm theo Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 là thiếu xót, bất lợi cho bị cáo nên miễn hình phạt cho bị cáo là phù hợp, do nhận thấy vai trò của bị cáo là thứ yếu nên miễn hình phạt chứ không oan nên bị cáo không có quyền yêu cầu đòi bồi thường.

Về trách nhiệm dân sự: cấp sơ thẩm buộc các bị cáo Lê Hải N và Đinh Thị Quỳnh G phải chịu trách nhiệm bồi thường số tiền 395.675.000 đồng cho Nhà nước là đúng pháp luật.

Về án phí: Theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì khoản tiền nộp lại để sung vào ngân sách thì không phải chịu án phí dân sự nhưng cấp sơ thẩm buộc các bị cáo Lê Hải N, Đinh Thị Quỳnh G, mỗi người phải nộp 9.891.875 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng nên cấp phúc thẩm sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 355; điểm a, c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Hải N; Nguyễn Quyết Th. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Thị Quỳnh G, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Lê Hải N, Đinh Thị Quỳnh G và Nguyễn Quyết Th phạm tội “ *Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng* ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38; Điều 58; Điểm s, v, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Hải N. Xử phạt bị cáo Lê Hải N 19 tháng 04 ngày tù (bằng thời gian đã tạm giam từ ngày 31/10/2013 đến ngày 04/6/2015).

Áp dụng khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đinh Thị Quỳnh G. Xử phạt bị cáo Đinh Thị Quỳnh G 22 (hai mươi hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 44 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đinh Thị Quỳnh G cho Ủy ban nhân dân thị trấn Cát Tiên, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc Thi hành án thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 59 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Miễn hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Quyết Th. Bị cáo Nguyễn Quyết Th không có quyền yêu cầu đòi bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà Nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc các bị cáo Lê Hải N, Đinh Thị Quỳnh G liên đới bồi thường số tiền thiệt hại do hành vi thiếu trách nhiệm gây ra là 395.675.000 đồng (ba trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước. Trong đó bị cáo Lê Hải N 197.837.500 đồng, bị cáo Đinh Thị Quỳnh G phải bồi thường là 197.837.500 đồng (một trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi bảy ngàn, năm trăm đồng). Bị cáo G đã nộp 100.000.000đ theo chứng từ nộp tiền nên số tiền còn phải nộp là 97.837.500đ.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lê Hải N, Đinh Thị Quỳnh G, Nguyễn Quyết Th không phải chịu án phí hình sự phúc

thẩm. Các bị cáo Lê Hải N, Đinh Thị Quỳnh G không phải chịu án dân sự sơ thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp sơ thẩm;
- Cơ quan THAHS Cát Tiên;
- Cơ quan CSĐT Cát Tiên;
- Chi cục THADS huyện Cát Tiên;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- Các Bị cáo;
- Đương sự;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ, Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Hoàng Thị Minh Hương

